

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ GIÁ RAI
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 05/6/2018

“V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GIÁ RAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Giang Thị Cẩm Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Nhạn

2. Ông Nguyễn Thanh Hồng

Thư ký phiên tòa: Bà Hồng Thị Xuân – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai: Ông Đoàn Quốc Dự - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 181/2018/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2018 về việc tranh chấp *“Ly hôn và nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2018/QĐXX - HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị Y** sinh năm 1969

Địa chỉ: ấp N A, xã T, thị xã G, tỉnh B.

Bị đơn: Anh **Trần Quốc D** sinh năm 1966

Địa chỉ: ấp N A, xã T, thị xã G, tỉnh B.

(chị Y có mặt, anh D vắng mặt có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là chị Phạm Thị Y trình bày tại đơn khởi kiện, các lời khai và tại phiên tòa: Chị và anh Trần Quốc D chung sống từ năm 1991, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Chị yêu cầu ly hôn với anh D do vợ chồng chung sống không hòa hợp, hay có mâu thuẫn, bất đồng thường xảy ra. Thời gian chung sống vợ chồng có 03 con chung tên Trần Việt N sinh năm 1995, Trần Thảo N1 sinh ngày 14/02/2002 và Trần Việt T sinh ngày 16/9/2003. Con chung tên Trần Việt N đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. 02 con chung tên Trần Thảo N1

và Trần Việt T chị yêu cầu nhận nuôi, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Trần Quốc D trình bày tại các lời khai: Anh và chị Y chung sống từ năm 1991, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Y vì vợ chồng có mâu thuẫn, chung sống không hòa hợp. Về con chung anh thống nhất theo yêu cầu của chị Y là đồng ý giao 02 con tên Thảo Ngân và Việt Thái cho chị Y nuôi, anh xin tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi con. Con chung tên Việt Ngân đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự thì có sự thống nhất cụ thể như sau:

Về thời gian chung sống: Anh D, chị Y thống nhất chung sống từ năm 1991 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và chung sống, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Hai bên xác định thời gian chung sống có 03 con chung tên Trần Việt N sinh năm 1995, Trần Thảo N1 sinh ngày 14/02/2002 và Trần Việt T sinh ngày 16/9/2003. Hai bên thống nhất con chung tên Việt Ngân đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. 02 con chung tên Thảo Ngân và Việt Thái giao chị Y tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Y không yêu cầu.

Về tài sản và nợ chung: Hai bên thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án thì Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử, xác định đúng thẩm quyền, đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thực hiện đúng quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử, việc gửi các văn bản cho Viện kiểm sát đầy đủ, đúng thời hạn. Tại phiên tòa hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định đảm bảo quyền lợi cho những người tham gia tố tụng tại phiên tòa. Từ khi thụ lý đến khi xét xử những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 71 và 234 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn Trần Quốc D có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử vắng mặt anh D theo quy định tại các điều 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự là đúng quy định.

Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 28, 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 13, 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; áp dụng điểm b, mục 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 và áp dụng điểm a khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH14: Không công nhận anh Trần Quốc D và chị Phạm Thị Y là vợ chồng, về con chung: ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa anh D và chị Y là giao chị Y tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung tên . Tạm miễn việc

cấp dưỡng nuôi con cho anh D do chị Y không yêu cầu. Về tài sản không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là anh Trần Quốc D có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 22/5/2018 nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh D theo quy định tại khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án:

[2] Về thời gian chung sống: Chị Y và anh D thống nhất chung sống từ năm 1991, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Hai bên thống nhất ly hôn do khi sống chung không có sự hòa hợp và có nhiều mâu thuẫn, bất đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy chị Y và anh D đã thống nhất việc ly hôn nhưng không thể ghi nhận sự nguyện thuận tình ly hôn của các đương sự do cả hai đều xác định chung sống với nhau mà không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của luật Hôn nhân và gia đình. Do đó việc chung sống như vợ chồng của anh chị không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và khi có yêu cầu ly hôn thì Tòa án không xử cho ly hôn hay bác yêu cầu hoặc công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn của các bên mà tuyên bố không công nhận anh chị là vợ chồng theo quy định tại điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội.

[3] Về nuôi con chung: Anh D chị Y xác định có 03 con chung tên Trần Việt N sinh năm 1995, Trần Thảo N1 sinh ngày 14/02/2002 và Trần Việt T sinh ngày 16/9/2003. Hai bên thống nhất tự nguyện thỏa thuận con chung tên Việt Ngân đã trưởng thành, không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. 02 con chung tên Thảo Ngân và Việt Thái có nguyện vọng sống với chị Y và chị Y, anh D cũng thống nhất theo nguyện vọng của các con. Hội đồng xét xử xét thấy anh D, chị Y đã thỏa thuận và thống nhất được người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, sự thỏa thuận này phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 của luật Hôn nhân và gia đình nên được ghi nhận. Anh D được tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi con do chị Y không yêu cầu. Anh D không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ tới lui thăm nom con chung mà không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, anh D, chị Y hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Khi có lý do chính đáng, anh Trần Quốc D, chị Phạm Thị Y có quyền thỏa thuận việc cấp dưỡng nuôi con,

phương thức cấp dưỡng nuôi con, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản và nợ chung: Hai bên thống nhất không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai là phù hợp với quy định nên HĐXX ghi nhận.

[6] Án phí sơ thẩm: Chị Phạm Thị Y phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị Y đã dự nộp 300.000đ lai thu số 0012103 ngày 14/5/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Giá Rai được chuyển thu án phí. Anh Trần Quốc D không phải nộp án phí.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 14, 53, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc hướng dẫn thi hành luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không công nhận chị Phạm Thị Y và anh Trần Quốc D là vợ chồng.

2/- Về nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của anh D và chị Y về việc nuôi con chung, cụ thể: Giao 02 con chung tên Trần Thảo N1 sinh ngày 14/02/2002 và Trần Việt T sinh ngày 16/9/2003 cho chị Phạm Thị Y trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Trần Quốc D được tạm miễn cấp dưỡng nuôi con do chị Phạm Thị Y không yêu cầu. Anh Trần Quốc D không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ tới lui thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3/- Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4/- Án phí sơ thẩm: Chị Phạm Thị Y phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị Y đã dự nộp 300.000đ lai thu số 0012103 ngày 14/5/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Giá Rai được chuyển thu án phí. Anh Trần Quốc D không phải nộp án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều

6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND thị xã Giá Rai;
- Chi cục THA thị xã Giá Rai;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Giang Thị Cẩm Thúy